

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TUÂN THỦ THUẾ

ThS. ĐINH THỊ NGỌC MAI*

Công tác quản lý thuế hiện nay đối với Việt Nam nói riêng và các nước trên thế giới nói chung đang phải đứng trước nhiều thách thức khác nhau trong nhiệm vụ thu thuế của nhà nước. Một trong những thách thức đó là sự đa dạng hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế (NNT). Trong khi nguồn lực cho quản lý thu thuế có giới hạn, sự phức tạp về hành vi tuân thủ thuế ngày càng tăng và khó nắm bắt đặc biệt trong cơ chế quản lý thuế NNT tự tính, tự khai, tự nộp thuế. Điều này làm cho cơ quan thuế phải chịu nhiều sức ép trong việc làm sao phải đảm bảo số thu cho NSNN nhằm hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội cũng như quản lý đất nước trong một xã hội ngày càng phát triển như hiện nay. Chính vì vậy, tuân thủ thuế đã trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng. Về mặt lý luận cần làm rõ các quan niệm về tuân thủ thuế, đồng thời cần xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế.

Các quan niệm về tuân thủ thuế

Theo quan niệm quốc tế: tính tuân thủ của NNT là việc NNT tự nguyện chấp hành và thực hiện một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời các quy định, thủ tục về thuế theo pháp luật.¹

Theo quan điểm của Trung tâm nghiên cứu chính sách và quản lý thuế của OECD, thì tính tuân thủ của NNT được chia thành 2 nhóm chính sau đây:

(i) Tuân thủ quy định hành chính (Administrative compliance): là việc NNT tuân thủ các quy định hành chính về việc kê khai, nộp thuế đúng hạn.

(ii) Tuân thủ kỹ thuật (Technical compliance): là việc NNT thực hiện tính toán và nộp thuế đúng theo quy định tại các điều của Luật thuế.²

Tại một số nước thuộc khu vực Bắc Mỹ, quan niệm về tính tuân thủ của NNT được phân loại theo nghĩa vụ của người nộp thuế, cụ thể:

(i) Tuân thủ trong việc kê khai thuế (Filling compliance): được đo lường bằng tỷ lệ phần trăm tờ khai được kê khai đúng hạn.

(ii) Tuân thủ trong việc nộp thuế (Payment compliance): được đo lường bằng tỷ lệ phần trăm số tiền thuế đã kê khai được nộp đúng hạn.

(iii) Tuân thủ trong việc khai báo thuế chính xác (Reporting compliance): được đo lường bằng tỷ lệ phần trăm số tiền nộp thuế được kê khai so với số tiền thuế phải nộp theo quy định của luật thuế.³

Theo quan điểm của cơ quan thuế Úc, New Zealand và một số quốc gia châu Á thì tính tuân thủ của NNT sẽ được phân loại và xác định theo mức độ rủi ro quản lý. Có 4 mức độ tuân thủ của người nộp thuế là:

(i) Nhóm NNT có ý thức tự giác tuân thủ (Willing to do the right thing): Nhóm này có xu hướng chấp hành nghiêm túc các quy định, thủ tục về thuế.

(ii) Nhóm NNT có ý thức tuân thủ nhưng chưa thực hiện đầy đủ các quy định (Try to, but don't always succeed): Nhóm này cũng có ý thức nghiêm túc trong việc chấp hành pháp luật thuế nhưng thường mắc những lỗi số học trong kê khai, lỗi không cố ý do thiếu hiểu biết về các quy định, thủ tục về thuế.

(iii) Nhóm NNT chưa có ý thức tuân thủ pháp luật thuế (Don't want to comply): Đây là nhóm NNT có hiểu biết về quy định của pháp luật thuế nhưng chưa thực sự nghiêm túc chấp hành. Đôi khi, nhóm này có thể lợi dụng các khe hở của luật pháp để thực hiện hành vi trốn tránh thuế.

(iv) Nhóm NNT cố tình không tuân thủ (Have decided not to comply): Đây là nhóm NNT có rủi ro trong quản lý thuế cao nhất. Nhóm này có xu hướng cố tình thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật thuế để trục lợi.⁴

¹ Forum on Tax Administration, Committee on Fiscal Affairs of OECD(2004), Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance

² Forum on Tax Administration, Committee on Fiscal Affairs of OECD(2004), Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance

³ Phil Brand (1996), Compliance: 21st century approach, National Tax Journal, Vol 49, no.3 September 1996.

⁴ Tổng cục Thuế (2005), Báo cáo kết quả khóa học về dịch vụ hỗ trợ đối tượng nộp thuế theo chương trình hợp tác đào tạo cho các nước thành viên SGATAR lần thứ 3.

* Trường Đại học Công đoàn

Cơ quan thuế căn cứ vào lịch sử tuân thủ và đặc điểm của từng loại hình, ngành nghề kinh doanh của NNT thành các nhóm theo mức độ tuân thủ, từ đó có các hành động thích hợp đối với từng nhóm NNT theo hướng tạo điều kiện tốt nhất để nhóm NNT tự giác tuân thủ và có ý thức tuân thủ hoàn thành nghĩa vụ thuế của mình; đồng thời đối với nhóm NNT chưa có ý thức tuân thủ và cố tình không tuân thủ thì áp dụng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, theo dõi, kiểm tra, thanh tra, cưỡng chế nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận, nợ đọng tiền thuế.

Theo quan điểm của cơ quan thuế Việt Nam (GDT-General Department of Taxation): Tuân thủ thuế là việc chấp hành nghĩa vụ của người nộp thuế theo đúng luật quy định bao gồm các hoạt động đăng ký, kê khai, báo cáo, nộp thuế. Bất kỳ sự vi phạm nào trong các khâu trên đều dẫn đến sự không tuân thủ ở các mức độ khác nhau.

Tiêu thức đánh giá mức độ tuân thủ thuế

Để đo lường, đánh giá mức độ tuân thủ thuế, mỗi quốc gia sử dụng các tiêu thức khác nhau. Hiện nay ở nhiều nước chủ yếu sử dụng các tiêu thức đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế của NNT dựa trên cơ sở mức độ tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế của NNT theo quy định của pháp luật thuế như mức độ tuân thủ về đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế, mức độ tuân thủ về khai thuế và mức độ tuân thủ trong nộp thuế, cụ thể:

- *Tuân thủ trong việc đăng ký thuế*: để đánh giá mức độ tuân thủ trong việc đăng ký thuế, các chỉ số sau đây thường được sử dụng:

(1) Số NNT vi phạm về thời gian đăng ký thuế. Trên thực tế có thể có một số đối tượng chậm đăng ký thuế để trì hoãn, để tránh nghĩa vụ thuế. Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ trong việc đăng ký thuế chưa tốt.

(2) Tỷ lệ NNT vi phạm về thời gian đăng ký thuế so với tổng số đối tượng phải đăng ký thuế. Được đo bằng tỷ lệ % giữa số NNT vi phạm về thời gian đăng ký thuế so với tổng số đối tượng phải đăng ký thuế. Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ trong việc đăng ký thuế chưa tốt.

- *Tuân thủ về kê khai thuế*, gồm tuân thủ về nộp tờ khai và tuân thủ trong kê khai thuế.

+ *Tuân thủ về nộp tờ khai* có thể được chia thành ba chỉ số khác nhau.

(3) *Tuân thủ trong nộp tờ khai của NNT*: Chỉ số này đo lường tỉ lệ giữa số tờ khai được nộp và số NNT thực tế được đăng ký tại cơ quan thuế. Các tờ

khai được nộp có thể bao gồm cả tờ khai nộp đúng hạn và tờ khai chậm nộp. Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ thuế tốt hơn.

(4) *Tuân thủ trong việc nộp tờ khai đúng hạn*: được đo bằng tỉ lệ giữa số tờ khai nộp đúng hạn trên tổng số tờ khai đã được nộp. Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ thuế tốt hơn.

(5) *Mức độ tuân thủ trong nộp tờ khai nói chung*: là tỉ lệ giữa số tờ khai đã nộp đúng hạn chia cho tổng số người nộp thuế đã đăng ký. Mức độ tuân thủ kê khai nói chung này được ước tính là kết quả của hai chỉ số (4) và (5). Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ thuế tốt hơn.

+ *Tuân thủ trong kê khai thuế* được hiểu là tỉ lệ giữa số thu nhập hay doanh thu kê khai với số thu nhập/doanh số được chờ đợi sẽ kê khai. Nói đến mức độ tuân thủ về kê khai thuế là nói đến việc kê khai trung thực các khoản thu nhập, doanh thu, và sản lượng liên quan đến thuế trực thu hay thuế gián thu. Tuân thủ trong kê khai có thể được phát hiện, đánh giá trong quá trình tính và kế toán thuế. Tuân thủ trong kế toán thuế thể hiện ở việc phản ánh, ghi chép trung thực các nghiệp vụ liên quan đến việc tính toán, xác định số thuế phải nộp. Tuân thủ trong quyết toán thuế là việc NNT thực hiện tổng hợp kê khai, tính toán xác định việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong kỳ kê khai quyết toán theo quy định của pháp luật thuế: về tính trung thực, tính đầy đủ, về thời hạn.

- *Tuân thủ trong nộp thuế*: Nói đến mức độ tuân thủ trong nộp thuế là nói đến việc nộp thuế đúng hạn, nộp đủ số thuế phải nộp.

(6) *Tỷ lệ số người nộp thuế đúng hạn trên tổng số NNT*. Chỉ tiêu này cho biết tỷ lệ NNT tuân thủ tự giác trong việc đảm bảo thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật. Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ thuế tốt hơn.

(7) *Tỉ lệ giữa số thuế được nộp đúng hạn trên tổng số thuế phải nộp theo nghĩa vụ thuế của người nộp thuế*. Chỉ tiêu này cho biết tỷ lệ số thuế đã được NNT đảm bảo thời hạn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Nếu chỉ tiêu này cao chứng tỏ mức độ tuân thủ thuế tốt hơn.

(8) *Tình hình nợ đọng*: được xác định là tỷ lệ giữa số thuế nợ đọng so với tổng số thuế phải nộp. Nếu chỉ tiêu này thấp chứng tỏ mức độ tuân thủ thuế tốt hơn.

Việc tính toán và phân tích các chỉ tiêu về tuân thủ thuế để đánh giá mức độ tuân thủ thuế, tìm ra

các nguyên nhân và có kế hoạch, biện pháp quản lý phù hợp nhằm đảm bảo công bằng, góp phần nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật thuế của NNT.

Nhân tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế

Tuân thủ thuế là một khái niệm phức tạp, diễn ra ở các cấp độ khác nhau. Cấp độ tích cực nhất là cam kết tuân thủ, tiếp theo là chấp nhận tuân thủ, tiêu cực hơn là miễn cưỡng tuân thủ và trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thuế. Vấn đề đặt ra là tại sao NNT tuân thủ hoặc không tuân thủ và tại sao NNT lại tuân thủ ở một cấp độ nào đó. Muốn nâng cao tính tuân thủ của NNT thì cần phải hiểu tính tuân thủ bị tác động bởi những yếu tố nào và mức độ tác động của những yếu tố này ra sao để từ đó có biện pháp nâng cao tính tuân thủ thuế. Hành vi tuân thủ của NNT không phải là một yếu tố độc lập, bất biến, nó chịu tác động của các yếu tố trong môi trường hoạt động và các yếu tố trong bản thân người nộp thuế. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế bao gồm:

Thứ nhất, nhóm yếu tố về tình hình kinh tế, xã hội: Nhóm yếu tố này bao gồm các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát, tình hình chính trị, ngoại giao,... Đây là các yếu tố vĩ mô nên ảnh hưởng đến tính tuân thủ của tất cả các nhóm NNT. Một khi nền kinh tế phát triển ổn định, tỷ lệ lạm phát được kiểm chế, tình hình chính trị ổn định sẽ có tác động tích cực đến tính tuân thủ thuế. Ngược lại sẽ có tác động bất lợi đến tính tuân thủ thuế. Chẳng hạn, lãi suất thị trường, lãi suất ngân hàng là yếu tố tác động đến quyết định tuân thủ, trì hoãn hay không tuân thủ thuế. Khi lãi suất tăng, các đối tượng nộp thuế có đạo đức thuế tối thiểu sẽ có thể trì hoãn việc nộp thuế, có thể tuân thủ thuế nhưng không tự nguyện, hoặc có khả năng trốn thuế hay tránh thuế. Lạm phát cao ảnh hưởng đến thái độ tuân thủ thuế khi nó tác động đến mức sinh lợi của các hoạt động sản xuất kinh doanh. Lạm phát ổn định ở mức hợp lý kích thích sản xuất kinh doanh và tác động đến sự tuân thủ thuế thông qua hiệu ứng thu nhập. Một vấn đề nổi cộm khác đối với các nước đang phát triển như Việt Nam đó là các giao dịch tiền mặt vẫn là chủ yếu, thanh toán qua các thẻ chế như ngân hàng, kho bạc vẫn còn hạn chế, điều này cũng có ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ thuế.

Thứ hai, nhóm yếu tố về chính sách pháp luật nói chung và chính sách thuế nói riêng. Đây là một trong các yếu tố cực kỳ quan trọng tác động đến tính tuân thủ, bởi lẽ nhóm nhân tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

nh nghiệp. Hệ thống chính sách pháp luật nói chung và các chính sách thuế nói riêng được xây dựng đồng bộ, rõ ràng, minh bạch sẽ tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển, giảm chi phí tuân thủ, giảm rủi ro do tham nhũng và phiền hà cho người nộp thuế qua đó cũng giúp cho việc thực hiện tuân thủ thuế tốt hơn. Ngược lại, nếu hệ thống pháp luật thuế phức tạp, không đồng bộ, thiếu tính chặt chẽ và chồng chéo sẽ làm tăng cơ hội cho NNT có những hành vi lợi dụng kẽ hở của luật để trục lợi, làm giảm tác dụng quản lý và răn đe của luật pháp.

Thứ ba, nhóm yếu tố thuộc về quản lý của cơ quan thuế: Đây là nhóm nhân tố phản ánh khả năng, trình độ tổ chức quản lý của cơ quan thuế. Nhóm nhân tố này được xác định gồm các nội dung:

- Tổ chức bộ máy hệ thống quản lý thu thuế. Một cơ quan thuế có tổ chức hợp lý, có trình độ, khả năng quản lý tốt sẽ đảm bảo duy trì tính thực thi của luật pháp, đảm bảo tính công bằng trong giải quyết các vấn đề tranh chấp về thuế, qua đó góp phần nâng cao tính tuân thủ thuế.

- Các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế, các thủ tục về thuế (thủ tục đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế,...) có tính ổn định, minh bạch rõ ràng sẽ tạo điều kiện thuận lợi tối đa và giảm chi phí tuân thủ cho NNT, giảm rủi ro do tham nhũng và phiền hà. Nếu thủ tục hành chính thuế quá rườm rà, phức tạp, khó thực hiện sẽ không khuyến khích NNT tuân thủ tự giác, chi phí tuân thủ vì thế sẽ tăng lên.

- Tính sẵn có, phù hợp và dễ tiếp cận của các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn thuế do cơ quan thuế cung cấp sẽ giúp NNT giảm gánh nặng tìm kiếm thông tin về quy định của luật thuế cũng như quy trình tuân thủ. Những dịch vụ nghèo nàn, khó tiếp cận thường là lý do giải thích cho chi phí tuân thủ thuế cao, nhất là đối với các doanh nghiệp quy mô nhỏ và đây là một trong những nguyên nhân cơ bản của trốn thuế.

- Tính cường chế hợp lý của cơ quan thuế thể hiện ở các biến số như: tần suất thanh tra thuế, khả năng phát hiện trốn thuế và rủi ro về thuế, các biện pháp cưỡng chế thuế, mức độ nghiêm khắc của hình phạt do trốn thuế. Việc kiểm soát và cưỡng chế hợp lý của cơ quan thuế sẽ đảm bảo tính răn đe đối với các trường hợp cố tình vi phạm pháp luật. Ngoài yếu tố thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế thì việc giám sát tuân thủ thuế nói chung cũng rất quan trọng, giám sát của xã hội, giám sát của các cơ quan dân cử đối với các hành vi không tuân thủ, qua đó phát hiện các trường hợp không tuân thủ và có các biện pháp xử lý phù hợp.

- Trình độ chuyên môn, tính trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của các cán bộ, công chức quản lý thuế sẽ góp phần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Việc kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng đào tạo cán bộ thuế là những yếu tố mang tính chất quyết định cho sự thành công của một hệ thống quản lý thuế. Đội ngũ cán bộ, công chức thuế giỏi về chuyên môn nghiệp vụ thuế, giỏi kế toán, thành thạo kỹ năng làm việc, kỹ năng quản lý, có trình độ tin học và ngoại ngữ, với phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần phục vụ nhân dân, đất nước sẽ góp phần nâng cao hiệu lực quản lý thuế, nâng cao tính tuân thủ thuế. Khi cơ quan thuế được xã hội nhận thức là người hoạt động vì lợi ích Nhà nước và cộng đồng, coi NNT là khách hàng thì sự tuân thủ thuế sẽ đạt ở mức cao. Ngược lại một chính quyền không đại diện cho quyền lợi chung sẽ giảm sự hợp tác và tăng sự chống đối.

- Trang thiết bị phục vụ công tác quản lý thuế của cơ quan thuế, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của cơ quan thuế. Theo sự phát triển của nền kinh tế, số lượng NNT ngày càng nhiều, đòi hỏi phải chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế, điều này giúp tiết kiệm không chỉ về nhân lực quản lý của cơ quan thuế mà còn kéo theo nhiều lợi ích khác như giúp cho NNT được hưởng các dịch vụ do cơ quan thuế cung cấp ngày một tốt hơn, mức độ hài lòng của NNT vì thế có thể tăng lên, điều này có tác động tích cực đến mức độ tuân thủ thuế.

- Các quan hệ cộng tác, phối hợp của cơ quan thuế với các đơn vị có liên quan trong việc quản lý thuế. Để có thể nắm bắt chính xác về tình trạng tuân thủ của NNT, cơ quan thuế phải có đầy đủ thông tin. Ngoài những thông tin do NNT cung cấp thông tin do bản thân ngành thuế thu thập trong quá trình quản lý còn phải truy cập, tham chiếu với các thông tin khác liên quan đến NNT do các cơ quan, tổ chức chuyên ngành nắm giữ. Vì vậy, việc thiết lập hệ thống mạng trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và các cơ quan khác như cơ quan kho bạc, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan, cơ quan quản lý doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại, cơ quan thống kê... là vô cùng quan trọng.

- Tính động viên, thúc đẩy, mà đặc trưng là các hình thức khuyến khích, tuyên dương NNT thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, công nhận bằng các phần thưởng vật chất, tinh thần. Nếu cơ quan quản lý có các hình thức động viên phù hợp sẽ có tác dụng góp phần nâng cao tính tuân thủ của NNT.

Thứ tư, nhóm nhân tố xuất phát từ bản thân NNT: bao gồm các nhân tố thuộc về đặc thù hoạt động của doanh nghiệp, nhân tố kinh tế, nhân tố hành vi. Cụ thể:

- Đặc thù hoạt động của doanh nghiệp: Mức độ đa dạng và phức tạp trong cơ cấu hoạt động của NNT, chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ (bao gồm chất lượng các quy trình kiểm soát, sự hợp lý và chặt chẽ của hệ thống kế toán, mức độ tuân thủ các quy trình và hệ thống kế toán, trình độ của nhân viên), hành vi của các cá nhân tham gia vào hoạt động kinh doanh và hành vi của người lãnh đạo hoạt động kinh doanh... cũng có tác động không nhỏ đến mức độ tuân thủ thuế.

- Nhân tố kinh tế. Thuộc về nhân tố này có thể kể đến như:

+ Gánh nặng về tài chính: số thuế phải nộp và hành vi tuân thủ thuế luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu phải nộp một khoản thuế quá lớn thì NNT có thể tránh phải nộp toàn bộ hoặc tìm cách điều chỉnh số liệu báo cáo nhằm làm giảm số thuế phải nộp.

+ Chi phí tuân thủ: bao gồm thời gian phải bỏ ra để hoàn tất thủ tục thuế, chi phí về kế toán thuế... và có thể bao gồm cả chi phí về mặt tâm lý như căng thẳng thần kinh do NNT không nắm chắc họ có đáp ứng được các quy định của các luật thuế hay không. NNT phải bỏ ra các chi phí trên để tuân thủ nghĩa vụ thuế, do đó tổng số tiền mà NNT phải chi ra lớn hơn số thuế thực nộp vào NSNN. Nếu chi phí tuân thủ thấp sẽ dẫn đến mức độ tuân thủ tự nguyện tăng lên và ngược lại.

- Nhân tố hành vi: là yếu tố chi phối khá quan trọng đến thái độ tuân thủ thuế. Thuộc nhóm này có thể kể đến như: cảm nhận về sự công bằng trong tuân thủ thuế; Sợ hãi, lo sợ về khả năng vi phạm pháp luật thuế; Thái độ của người nộp thuế đối với rủi ro khi trốn thuế... Cụ thể:

+ Sự khác biệt của từng cá nhân: giới tính, tuổi tác, trình độ học vấn, đạo đức, ngành nghề, tính cách, hoàn cảnh... luôn chứa đựng những rủi ro nhất định trong việc tuân thủ pháp luật thuế vì nó tác động đến hành vi của NNT. Nếu NNT hiểu rõ pháp luật thuế, họ có thể tự giác chấp hành pháp luật thuế tốt hơn và ngược lại sẽ dẫn đến tình trạng tránh thuế, trốn thuế.

+ Cảm nhận về rủi ro tối thiểu cũng có tác động nhất định đến tuân thủ thuế. Nếu NNT có cơ hội không tuân thủ và họ có ý nghĩ rằng rủi ro không đáng kể nếu không tuân thủ thì NNT đó dễ

dàng chấp nhận rủi ro này để đổi lấy sự không tuân thủ, và do vậy có thể xuất hiện tình trạng không kê khai hoặc kê khai số liệu tính thuế thấp hơn số liệu thực tế.

+ Cảm nhận về sự không công bằng là nhân tố có ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ thuế. Nếu NNT cho rằng hệ thống pháp luật thuế không đảm bảo sự công bằng hoặc NNT bị đối xử không công bằng thì họ có thể ít tuân thủ hơn. Một khi NNT cảm thấy bị đối xử không công bằng, thiếu sự tin tưởng thì nguy cơ hoạt động của nền kinh tế ngầm có thể gia tăng, NNT cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thuế. Bên cạnh đó, nhận thức về tính không công bằng trong tiếp cận thông tin và thủ tục hành chính thuế có tác động không nhỏ đến tâm lý tuân thủ thuế, đặc biệt khi hệ thống thủ tục tuân thủ thuế phức tạp, rườm rà.

Thứ năm, các nhân tố khác:

- Các yếu tố xã hội cũng có ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế. Thuộc nhóm này có thể kể đến như: Chuẩn mực xã hội, ảnh hưởng xã hội và trách nhiệm của từng chủ thể trong một cộng đồng xã hội; Di sản văn hóa, danh tiếng, vị thế và vai trò của từng chủ thể trong một cộng đồng xã hội

- Sự phát triển của các dịch vụ như dịch vụ làm thủ tục về thuế, dịch vụ kế toán, kiểm toán cũng có ảnh hưởng nhất định đến tính tuân thủ thuế. Đặc trưng của các dịch vụ này là có tính chuyên nghiệp, chuyên môn hóa. Khi các dịch vụ này phát triển, người nộp thuế có nhiều cơ hội sử dụng chúng, có thể tạo điều kiện tiết kiệm chi phí, ngoài ra còn góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế, giảm thiểu các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế.

Giải pháp tăng tính tuân thủ tự nguyện của NNT

Có thể thấy rằng, nâng cao tính tuân thủ của NNT luôn là vấn đề đặt ra cho các cơ quan Thuế của mọi quốc gia. Và để khắc phục được tính không tuân thủ của NNT phụ thuộc vào cả cơ quan Thuế và NNT. Để nâng cao tính tuân thủ của NNT cần phải có các giải pháp đồng bộ:

1) Xây dựng chính sách thuế đảm bảo tính đơn giản, công khai, minh bạch. Đây là giải pháp quan trọng vì chính sách thuế là nhân tố quan trọng tác động tới ý thức tuân thủ của NNT, nó không chỉ góp phần giảm bớt chi phí mà còn giảm bớt các hành vi trốn thuế, tránh thuế. Tính đơn giản, công khai, minh bạch của chính sách thuế được hiểu là sự đơn giản, rõ ràng, mang tính nhất quán trong các quy định về

pháp luật thuế; chính sách thuế phải được tuyên truyền sâu rộng đến NNT để họ hiểu và tự xác định quyền, nghĩa vụ của mình.

2) Cơ quan thuế cần ưu tiên cho các hoạt động phổ biến chính sách rộng rãi đến NNT ban hành tiêu chí phân nhóm người nộp thuế và xác định danh sách người nộp thuế thuộc các nhóm tuân thủ khác nhau trên cơ sở thông tin về lịch sử người nộp thuế. Đặc biệt, cần đổi mới quy trình lập kế hoạch tuyên truyền và hỗ trợ ở cơ quan thuế hướng vào nhu cầu khách hàng là người nộp thuế; tập huấn các kỹ năng tuyên truyền và hỗ trợ cho cán bộ thuế đặc biệt là kỹ năng truyền đạt thông tin, diễn thuyết và giao tiếp.

3) Hiện đại hoá quản lý thuế cũng là một trong các yếu tố góp phần nâng cao tính tuân thủ trong thu nộp thuế. Trong 5 năm gần đây, ngành thuế đã đạt được nhiều thành công trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, hỗ trợ NNT thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, vẫn chưa khắc phục được hoàn toàn tính không tuân thủ của NNT. Việc thiết lập một giao diện dễ dàng, thân thiện với NNT cũng sẽ cải thiện dịch vụ hỗ trợ NNT, theo đúng phương châm "Hỗ trợ NNT là trách nhiệm của cơ quan Thuế".

4) Ngoài ra, cùng với việc áp dụng công nghệ mới trong công tác quản lý, cơ quan Thuế cũng cần tăng cường rà soát phát hiện và xử lý nhằm giảm thiểu các hành vi không tuân thủ của NNT, đồng thời phải có những công cụ hỗ trợ tích cực cho hoạt động của cả cơ quan Thuế và NNT, nhất là công cụ công nghệ thông tin.

5) Tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho NNT để họ có thể trả lời rõ ràng được câu hỏi: tại sao phải nộp thuế và thấy được sự khác nhau giữa một NNT và người không nộp thuế trong con mắt của cộng đồng, xã hội. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Forum on Tax Administration, Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance*, Committee on Fiscal Affairs of OECD (2004).
2. *Phil Brand (1996), Compliance: 21st century approach, National Tax Journal, Vol 49, no.3 September 1996.*
3. *Tổng cục Thuế (2005), Báo cáo kết quả khóa học về dịch vụ hỗ trợ đối tượng nộp thuế theo chương trình hợp tác đào tạo cho các nước thành viên SGATAR lần thứ 3.*
4. *Robert Brown and Mark Mazur (2002), The National Research Program: IRS' New Approach to Measuring Taxpayer Compliance.*